



CEPEW
Center for Education Promotion
& Empowerment of Women

**LIÊN MINH
KHOÁNG SẢN**

LMNS
Coalition for Clean Water



TÓM TẮT BÁO CÁO

ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC THI

LUẬT TIẾP CẬN THÔNG TIN

(Lần thứ ba)



Do Liên Minh Châu Âu tài trợ

LỜI CẢM ƠN



Nhóm nghiên cứu xin chân thành cảm ơn sự đóng góp quý báu của bà Nguyễn Kim Thoa - Nguyên Vụ trưởng - Vụ Pháp luật hình sự và hành chính thuộc Bộ Tư pháp và bà Nghiêm Thị Kim Thoa - Chuyên gia về quyền con người đã dành thời gian đọc và góp ý dưới góc độ chuyên môn để Nhóm nghiên cứu hoàn thiện báo cáo đánh giá.

Nhóm nghiên cứu xin cảm ơn sự phối hợp của Trường Đại học Tây Bắc và Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Sơn La trong việc thực hiện các cuộc trao đổi với các bên liên quan trên địa bàn tỉnh Sơn La nhằm thúc đẩy thực thi Luật Tiếp cận thông tin (TCTT) và tìm hiểu việc thực thi Luật này trên địa bàn tỉnh.

Đặc biệt, xin chân thành cảm ơn lãnh đạo, chuyên viên, công chức thuộc các cơ quan nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội và người dân trên địa bàn các tỉnh Sơn La và Quảng Bình đã cung cấp thông tin cho Nhóm nghiên cứu. Nghiên cứu đánh giá này sẽ không thể hoàn thành nếu không có sự tham gia của họ.

NHÓM NGHIÊN CỨU

01

LÝ DO THỰC HIỆN VÀ PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ

Luật về quyền thông tin được xem là một trong những luật quan trọng nhất của mỗi quốc gia. Việc thực hiện luật quan trọng này sẽ có những tác động tích cực đến cơ quan nhà nước, người dân và doanh nghiệp như tăng hiệu quả quản trị nhà nước, củng cố mối quan hệ và niềm tin giữa người dân và doanh nghiệp vào các cơ quan nhà nước, cũng như tác động tích cực đến sự tuân thủ pháp luật của các bên. Để thực hiện tốt luật này, không thể thiếu vai trò thúc đẩy và phân biện của các tổ chức xã hội và người dân.

Ở Việt Nam, Luật Tiếp cận thông tin (TCTT)¹ được Quốc hội thông qua ngày 06/4/2016 và chính thức có hiệu lực từ ngày 01/7/2018. Luật TCTT có ý nghĩa rất quan trọng trong việc cụ thể hóa quyền công dân được quy định tại Điều 25 trong Hiến pháp 2013 và các cam kết quốc tế. Luật này cũng quy định nghĩa vụ và trách nhiệm của các cơ quan nhà nước trong bảo đảm quyền TCTT của công dân. Đặc biệt, đây là luật quy định các thủ tục và quy trình để các cơ quan nhà nước công khai thông tin và

cung cấp thông tin theo yêu cầu của công dân. Trong năm 2021, các tổ chức gồm Trung tâm Thúc đẩy giáo dục và nâng cao năng lực phụ nữ (CEPEW), Liên minh Đất rừng (FORLAND), Liên minh Khoáng sản (LMKS), Liên minh Nước sạch (LMNS) và tổ chức Oxfam tại Việt Nam (sau đây gọi là Nhóm nghiên cứu) đã triển khai đánh giá việc thực thi Luật TCTT lần thứ ba^{2,3}. Đánh giá được thực hiện nhằm cập nhật những văn bản quy phạm pháp luật (VBQP-PL) có liên quan đến bảo đảm quyền TCTT của công dân được ban hành trong giai đoạn từ tháng 3/2020 đến tháng 9/2021 và so sánh sự thay đổi trong việc thực hiện Luật TCTT với đánh giá lần thứ hai. Trên cơ sở đó, Nhóm nghiên cứu đề xuất những khuyến nghị để thực thi hiệu quả hơn Luật TCTT.

Nhóm Nghiên cứu đã áp dụng Bộ chỉ số theo dõi và đánh giá việc thực hiện quyền TCTT tại Việt Nam (được xây dựng ở lần đánh giá thứ nhất) và Bảng kiểm liệt kê 09 nội dung công việc mà mỗi cơ quan nhà nước là chủ thể cung cấp thông tin cần làm để thực thi Luật TCTT (được xây dựng ở lần đánh giá thứ hai dựa trên các quy định của Luật TCTT và Nghị định 13/2018/NĐ-CP) để khảo sát việc triển khai Luật TCTT của 324 cơ quan nhà nước⁴. Bộ chỉ số và bảng kiểm được áp dụng cho cả bốn nhóm phương pháp đánh giá. Cụ thể:

- Thứ nhất, rà soát và cập nhật các VBQPPL, chương trình/đề án của Chính phủ, quy định về quy chế công khai thông tin và cung cấp thông tin theo yêu cầu của công dân, báo cáo thực thi Luật TCTT do các cơ quan nhà nước ban hành;
- Thứ hai, tiến hành trao đổi thông qua thảo

¹ Luật số 104/2016/QH13 do Quốc hội thông qua ngày 6/4/2016 và có hiệu lực kể từ ngày 1/7/2018.

² Đánh giá lần thứ nhất được CEPEW, FORLAND, LMKs, LMNS và Oxfam thực hiện từ tháng 11/2018 đến tháng 2/2019 tại Quảng Bình, Hà Giang và Đà Nẵng. Kết quả đánh giá được công bố vào tháng 3/2019 và gửi tới một số cơ quan nhà nước có liên quan.

³ Đánh giá lần thứ hai được CEPEW, FORLAND, LMKs, LMNS, Mạng lưới các tổ chức xã hội khu vực miền núi phía Bắc (NORTHNET), Oxfam và Tổ chức CARE quốc tế tại Việt Nam thực hiện từ tháng 11/2019 đến tháng 2/2020 tại 08 tỉnh, thành phố gồm Hà Giang, Cao Bằng, Bắc Kạn, Điện Biên, Sơn La, Quảng Bình, Quảng Trị và Đà Nẵng

⁴ Gồm 27 cơ quan nhà nước cấp Trung ương; UBND, Sở Tư pháp và Sở Lao động, thương binh, xã hội thuộc 63 tỉnh, thành phố và 108 cơ quan nhà nước khác trên địa bàn 08 tỉnh, thành phố

⁵ Ở lần đánh giá thứ ba, Nhóm nghiên cứu chỉ thực hiện khảo sát thực địa tại hai tỉnh Quảng Bình và Sơn La là nơi LMNS và FORLAND đang hỗ trợ xây dựng mô hình thực thi Luật TCTT nhưng việc rà soát cổng/trang thông tin điện tử và gửi thư yêu cầu vẫn tiếp tục được thực hiện đối với cả 08 tỉnh tiến hành thực địa ở lần đánh giá thứ hai

luận nhóm và phỏng vấn sâu với 96 người (45 nữ và 51 nam) là đại diện của 14 cơ quan nhà nước, 3 tổ chức chính trị - xã hội cấp huyện, xã và người dân trên địa bàn các tỉnh Quảng Bình và Sơn La⁵;

- Thứ ba, rà soát trang thông tin điện tử, cổng thông tin điện tử của 324 cơ quan nhà nước ở Trung ương (TW) và địa phương, trong đó có rà soát hạ tầng cung cấp thông tin và thực hiện cung cấp thông tin cho người cao tuổi và người khuyết tật;
- Thứ tư, sử dụng biểu mẫu số 1a đính kèm Nghị định 13/2018/NĐ-CP để gửi 241 thư điện tử và 302 thư qua đường bưu điện yêu cầu cung cấp thông tin tới 315 cơ quan nhà nước ở cấp TW và địa phương trong số 324 cơ quan kể trên.

Bảng 01 so sánh quy mô của ba lần đánh giá. Do có sự khác biệt về quy mô khảo sát nên báo cáo không thể ghi nhận một cách toàn diện những thay đổi giữa ba lần đánh giá.

Bảng 1: So sánh quy mô của ba lần đánh giá

Nội dung so sánh	Đánh giá lần thứ nhất (T11/2018 -T2/2019)	Đánh giá lần thứ hai (T11/2019 - T2/2020)	Đánh giá lần thứ ba (T2/2021 – T9/2021)
Số tỉnh, thành phố thực hiện đánh giá tại thực địa	3	8	2
Số lượng người cung cấp thông tin thông qua phỏng vấn sâu và thảo luận nhóm tại thực địa	45	251	96
Số cơ quan nhà nước cung cấp thông tin tại thực địa	8	60	14
Số tổ chức chính trị - xã hội cung cấp thông tin tại thực địa	01	11	3
Số cổng thông tin điện tử, trang thông tin điện tử được rà soát	35	245	324
Số cơ quan nhà nước được gửi phiếu yêu cầu cung cấp thông tin	4	241	315
Rà soát hạ tầng cung cấp thông tin	8	60	7
Rà soát tài liệu	Có áp dụng	Có áp dụng	Có áp dụng

02

MỘT SỐ PHÁT HIỆN CHÍNH

2.1 Một số yếu tố tiếp tục thúc đẩy thực thi Luật TCTT trong giai đoạn đánh giá

Qua quá trình nghiên cứu tài liệu thứ cấp và làm việc với các bên liên quan khác nhau trong giai đoạn từ tháng 3/2020 đến tháng 9/2021, Nhóm nghiên cứu nhận thấy có một số yếu tố sau tiếp tục được xem là động lực và là đòn bẩy thúc đẩy thực thi Luật TCTT một cách hiệu quả hơn như đề cập dưới đây.

i. Các cơ quan nhà nước cấp TW ban hành một số chính sách và VBQPPL liên quan đến thúc đẩy công khai thông tin và cung cấp thông tin theo yêu cầu của công dân

Trong năm 2020, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và Bộ Thông tin và truyền thông (TTTT) đã ban hành một số VBQPPL và chính sách có liên quan. Chính phủ đã ban hành các các nghị định về thúc đẩy quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của các cơ quan nhà nước⁶ và thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử⁷. Thủ tướng Chính phủ đã ban hành các quyết định về chuyển đổi số quốc gia⁸ và bộ tiêu chí xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật bao gồm tiêu chí công khai các thông tin và cung cấp thông tin kịp thời, chính xác, đầy đủ theo đúng quy định pháp luật về TCTT⁹. Bộ Thông tin và truyền thông (TTTT) đã ban hành thông tư về áp dụng tiêu chuẩn, công nghệ hỗ trợ người khuyết tật tiếp cận, sử dụng sản phẩm, dịch vụ thông tin và truyền thông¹⁰. Việc thực hiện tốt các VBQPPL và chính sách này kỳ vọng sẽ có tác động tích cực đến việc thực thi các quy định về công khai thông tin, cung cấp thông tin theo yêu cầu của công dân và bảo đảm tiếp cận thông tin của người cao tuổi, người khuyết tật được quy định trong Luật TCTT và Nghị định 13/2018/NĐ-CP.

ii. Cụ thể hoá danh mục thông tin thuộc bí mật nhà nước và mức độ mật

Thực hiện một số quy định của Luật Bảo vệ bí mật nhà nước¹¹, kể từ ngày 5/6/2020 đến ngày 20/5/2021, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành 32 quyết định quy định danh mục bí mật nhà nước do 26 cơ quan nhà nước và 06 tổ chức

chính trị, chính trị - xã hội cấp Trung ương lập và trình. Trong các quyết định đều liệt kê danh mục các thông tin thuộc mức độ tuyệt mật, tối mật hoặc mật được quy định tại Điều 7 và Điều 8 Luật Bảo vệ bí mật nhà nước 2018. Việc cụ thể hoá danh mục thông tin thuộc bí mật nhà nước giúp cho các đầu mối cung cấp thông tin nhận thức rõ hơn về những thông tin công dân không được tiếp cận được quy định tại Điều 7 Luật TCTT.

2.2 Nỗ lực của các bên liên quan trong giai đoạn đánh giá

i. Nỗ lực của Bộ Tư pháp

Bộ Tư pháp là cơ quan được Chính phủ giao trách nhiệm theo dõi chung việc thực hiện Luật TCTT. Kể từ khi Luật được thông qua và có hiệu lực, Bộ Tư pháp đã tích cực tham mưu giúp Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ ban hành các nghị định, chỉ thị và kế hoạch thúc đẩy triển khai thi hành Luật. Bộ Tư pháp cũng đã xây dựng và công bố một số tài liệu hướng dẫn cho đầu mối cung cấp thông tin và công dân. Một số nội dung liên quan đến trách nhiệm của Bộ trong thực thi 09 nội dung công việc mà Luật TCTT yêu cầu như phân công và công khai đầu mối cung cấp thông tin, ban hành và công khai quy chế nội bộ công khai thông tin và cung cấp thông tin theo yêu cầu của công dân, thiết lập chuyên mục TCTT và danh mục thông tin phải công khai. Những nội dung nêu trên đã được nhiều cơ quan nhà nước các cấp tham khảo và dẫn nguồn.

Trong giai đoạn đánh giá, Bộ Tư pháp đã ban hành các văn bản yêu cầu cơ quan nhà nước

⁶ Nghị định số 47/2020/NĐ-CP ngày 09/04/2020 của Chính phủ về Quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của các cơ quan nhà nước

⁷ Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 8/4/2020 của Chính phủ về Thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử

⁸ Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/06/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt "Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030"

⁹ Quyết định số 25/2011/QĐ-TTg ngày 22/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ Quy định về xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật

¹⁰ Thông tư số 26/2020/TT-BTTTT ngày 23/9/2020 của Bộ TTTT Quy định việc áp dụng tiêu chuẩn, công nghệ hỗ trợ người khuyết tật tiếp cận, sử dụng sản phẩm, dịch vụ thông tin và truyền thông

¹¹ Luật số 29/2018/QH14 do Quốc hội Khóa XIV thông qua ngày 15/11/2018 và có hiệu lực kể từ ngày 1/7/2020

các cấp cung cấp thông tin về việc triển khai thi hành Luật TCTT. Cụ thể, ngày 12/07/2021, Bộ Tư pháp đã ban hành Công văn số 2265/BTP-PLHSHC về việc cung cấp thông tin về tình hình 03 năm triển khai thi hành Luật TCTT. Việc ban hành các công văn yêu cầu cung cấp thông tin này, một mặt thúc đẩy cơ quan nhà nước các cấp nhanh chóng triển khai một số trong 09 công Bộ Tư pháp là cơ quan được Chính phủ giao trách nhiệm theo dõi chung việc thực hiện Luật TCTT. Kể từ khi Luật được thông qua và có hiệu lực, Bộ Tư pháp đã tích cực tham mưu giúp Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ ban hành các nghị định, chỉ thị và kế hoạch thúc đẩy triển khai thi hành Luật. Bộ Tư pháp cũng đã xây dựng và công bố một số tài liệu hướng dẫn cho đầu mối cung cấp thông tin và công dân. Một số nội dung liên quan đến trách nhiệm của Bộ trong thực thi 09 nội dung công việc mà Luật TCTT yêu cầu như phân công và công khai đầu mối cung cấp thông tin, ban hành và công khai quy chế nội bộ công khai thông tin và cung cấp thông tin theo yêu cầu của công dân, thiết lập chuyên mục TCTT và danh mục thông tin phải công khai. Những nội dung nêu trên đã được nhiều cơ quan nhà nước các cấp tham khảo và dẫn nguồn. Trong giai đoạn đánh giá, Bộ Tư pháp đã ban hành các văn bản yêu cầu cơ quan nhà nước các cấp cung cấp thông tin về việc triển khai thi hành Luật TCTT. Cụ thể, ngày 12/07/2021, Bộ Tư pháp đã ban hành Công văn số 2265/BTP-PLHSHC về việc cung cấp thông tin về tình hình 03 năm triển khai thi hành Luật TCTT. Việc ban hành các công văn yêu cầu cung cấp thông tin này, một mặt thúc đẩy cơ quan nhà nước các cấp nhanh chóng triển khai một số trong 09 công việc mà mỗi cơ quan nhà nước cần làm như (i) phân công đầu mối cung cấp thông tin, (ii) xây dựng quy chế nội bộ công khai thông tin và cung cấp thông tin theo yêu cầu của công dân, (iii) thiết lập chuyên mục TCTT và (iv) danh mục thông tin phải công khai. Bên cạnh đó, việc cung cấp thông tin triển khai thi hành Luật cũng giúp cho Bộ Tư pháp và các chuyên gia, các nhà nghiên cứu có thể đánh giá được việc các cơ quan nhà nước đã thực hiện tốt hay chưa tốt những nội dung công việc này.

ii. Nỗ lực của một số đối tác phát triển và tổ chức phi chính phủ

Trong năm 2020 - 2021, một số đối tác phát triển như EU, Bộ Ngoại giao và Thương mại Úc, Chương trình phát triển của Liên Hợp Quốc (UNDP) và tổ chức Oxfam phối hợp cùng các tổ chức xã hội Việt Nam triển khai các mô hình thúc đẩy thực thi Luật TCTT, thúc đẩy công khai và minh bạch thông tin trong một số lĩnh vực. Các mô hình và nỗ lực thúc đẩy thực thi có thể kể đến là:

- UNDP đã đưa việc thúc đẩy minh bạch thông tin vào Khung hợp tác song phương giữa các tổ chức Liên Hợp Quốc và Nhà nước Việt Nam. UNDP cũng phối hợp cùng CEPEW triển khai sáng kiến thúc đẩy công khai thông tin liên quan đến kế hoạch sử dụng đất và bảng giá đất cho chính quyền địa phương ban hành và có nghĩa vụ công khai thúc đẩy công khai thông tin liên quan đến kế hoạch sử dụng đất và bảng giá đất cho chính quyền địa phương ban hành và có nghĩa vụ công khai.

- LMNS, LMKS và FORLAND tiếp tục thực hiện các mô hình hỗ trợ chính quyền địa phương triển khai thực hiện Luật TCTT và nâng cao nhận thức cho người dân tại các tỉnh Quảng Bình, Sơn La và Hà Giang. Các liên minh đã tổ chức tập huấn về Luật TCTT cho công chức nhà nước, cán bộ các tổ chức chính trị - xã hội và người dân; hướng dẫn lãnh đạo và công chức cấp xã xây dựng Quy chế nội bộ và quy trình công khai và cung cấp thông tin và lập danh mục thông tin phải công khai. Ngoài ra, các liên minh cũng hướng dẫn người dân thực hành tìm kiếm thông tin và yêu cầu các cơ quan nhà nước cung cấp thông tin.

- Liên minh Minh bạch ngân sách (BTAP) đã áp dụng Luật TCTT vào việc đánh giá mức độ công khai thông tin ngân sách và thực hiện cung cấp thông tin theo yêu cầu của các bộ, ngành ở Trung ương và cấp tỉnh.

- Tổ chức Hướng tới minh bạch (TT) đã tập huấn về Luật TCTT cho các nhà báo và xây

dựng cẩm nang báo chí và tiếp cận thông tin. TT cũng đã thực hiện nghiên cứu phân tích các VBQPPL và chính sách về chuyển đổi số và chia sẻ dữ liệu số của các cơ quan nhà nước.

- Viện Nghiên cứu chính sách và phát triển truyền thông (IPS) đã xây dựng bộ chỉ số tiếp cận dịch vụ công trực tuyến của các tỉnh năm 2017-2018¹² và đến nay, một số nội dung đã được đưa thành chỉ số xếp hạng chính phủ điện tử trong chương trình chuyển đổi số.

2.3 Một số kết quả đạt được trong thực thi Luật TCTT

Ở lần đánh giá thứ 3, Nhóm nghiên cứu ghi nhận một số kết quả nhất định trong triển khai thực thi Luật TCTT như dưới đây trên cơ sở so sánh với đánh giá lần thứ hai.

i. Công khai quy chế, đầu mối cung cấp thông tin và thiết lập chuyên mục TCTT, danh sách thông tin phải công khai

Việc Bộ tư pháp ban hành các công văn yêu cầu cơ quan nhà nước các cấp cung cấp thông tin về tình hình triển khai thực thi Luật TCTT trong năm 2020 và 2021 đã góp phần tích cực thúc đẩy nhiều cơ quan nhà nước các cấp phân công đầu mối và ban hành quy chế cung cấp thông tin, thiết lập chuyên mục TCTT và danh mục thông tin trên cổng/trang thông tin điện tử. Bảng 2 cho thấy, tỷ lệ cơ quan nhà nước ở TW và địa phương thực hiện các hạng mục này cao hơn ít nhiều so với lần đánh giá thứ hai. Nhóm nghiên cứu nhận thấy, trong số các cơ quan nhà nước được khảo sát,

có một số chuyên mục hoặc danh mục được thiết lập theo đúng yêu cầu của Luật TCTT như chuyên mục của Bộ Tư pháp, UBND tỉnh Bến Tre và UBND xã Xuân Trạch (huyện Bồ Trạch, tỉnh Quảng Bình. thông tin điện tử. Bảng 2 cho thấy, tỷ lệ cơ quan nhà nước ở TW và địa phương thực hiện các hạng mục này cao hơn ít nhiều so với lần đánh giá thứ hai. Nhóm nghiên cứu nhận thấy, trong số các cơ quan nhà nước được khảo sát, có một số chuyên mục hoặc danh mục được thiết lập theo đúng yêu cầu của Luật TCTT như chuyên mục của Bộ Tư pháp, UBND tỉnh Bến Tre và UBND xã Xuân Trạch, huyện Bồ Trạch, tỉnh Quảng Bình.

Bên cạnh đó, danh mục thông tin do Văn phòng UBND tỉnh Bắc Ninh được thiết lập theo đúng quy định tại Điều 17 và Điều 19 của Luật TCTT. Các văn bản được UBND tỉnh Bắc Ninh đăng tải trên danh mục này một cách kịp thời và chính xác với hai phiên bản PDF và WORD để dành cho người dân tái sử dụng và người khuyết tật có thể sử dụng.¹³ Một thực hành tốt khác, đó là chuyên mục TCTT do UBND xã Xuân Trạch (huyện Bồ Trạch, tỉnh Quảng Bình) thiết lập. Chuyên mục này đã bao gồm các hạng mục được quy định tại Luật TCTT như thông tin về đầu mối cung cấp thông tin, quy chế công khai và cung cấp thông tin theo yêu cầu, danh mục thông tin phải công khai. Các văn bản do UBND và HĐND xã Xuân Trạch tạo ra và tiếp nhận được đăng tải một cách kịp thời và chính xác¹⁴.

Mặc dù chưa thiết lập danh mục TCTT và danh mục thông tin nhưng việc cập nhật các văn bản trên Cổng thông tin điện tử Chính phủ và Cổng thông tin điện tử của Văn phòng Chính

¹²https://ipsvietnam-my.sharepoint.com/personal/contact_ips_org_vn/_layouts/15/onedrive.aspx?id=%2Fpersonal%2Fcontact%5Fips%5Forg%5Fvn%2FDocuments%2FHyperlink%2FPublication%2FPublication%202018%2FIPS%5FBao%20cao%20danh%20gia%20va%20xep%20hang%20CPDT%202017%2Epdf&parent=%2Fpersonal%2Fcontact%5Fips%5Forg%5Fvn%2FDocuments%2FHyperlink%2FPublication%2FPublication%202018&originalPath=aHR0cHM6Ly9pcHN2aWV0bmFtLW15LnNoYXJlcG9pbmQuY29tLzpiOi9nL3BlcnNvbWFsL2NvbnRhY3RfaXBzX29yZ192bi9FZU1ETXhibGNrTkx2a1BsMVJmTVA4WUJfMEkzc2dwcTNmbHhyYkZSdG9wdzBnP3J0aW1PU5yWnQ3eEY4MlVn

¹³ Xem <http://bacninh.gov.vn/danh-muc-tiep-can-thong-tin> truy cập 23:17 ngày 30/8/2021

¹⁴ Xem <https://xuantrach.quangbinh.gov.vn/chi-tiet-tin/-/view-article/1/1612769132590/1618024000760> truy cập 22:02 ngày 19/9/2021

phủ cũng được Nhóm nghiên cứu đánh giá là một trong những trường hợp điển hình trong công khai các VBQPPL và văn bản điều hành phù hợp với nguyên tắc của Luật TCTT^{15,16}.

Bảng 2: Tỷ lệ cơ quan nhà nước thực hiện một số nội dung công việc theo yêu cầu của Luật TCTT

TT	Cơ quan nhà nước	Công khai đầu mối		Công khai quy chế		Lập chuyên mục TCTT		Lập danh mục thông tin	
		Đánh giá lần 2	Đánh giá lần 3	Đánh giá lần 2	Đánh giá lần 3	Đánh giá lần 2	Đánh giá lần 3	Đánh giá lần 2	Đánh giá lần 3
1	Cơ quan cấp TW	37%	48,1%	40,7%	40,7%	22,2%	37%	22,2%	33,3%
2	UBND cấp tỉnh thuộc 63 tỉnh, thành phố	7,9%	11,1%	3,2%	4,8%	4,8%	7,9%	4,8%	7,9%
3	Sở Tư pháp 63 tỉnh, thành phố	20,6%	31,7%	25,4%	31,7%	23,8%	41,3%	3,2%	15,9%
4	Sở LĐ-TB-XH thuộc 63 tỉnh, thành phố	Không đánh giá	6,3%	Không đánh giá	6,3%	Không đánh giá	12,7%	Không đánh giá	3,8%
5	Các (108) cơ quan nhà nước thuộc 8 tỉnh, thành phố	6%	12%	6%	13,9%	3%	7,4%	0%	1,9%

ii. Cung cấp thông tin theo yêu cầu của công dân

Trong các ngày từ 5/3 đến 19/3/2021, Nhóm nghiên cứu đã gửi 241 thư điện tử và 302 thư qua đường bưu điện yêu cầu cung cấp thông tin tới 315 cơ quan nhà nước ở cấp TW và địa phương. Các cơ quan này được quy định là đầu mối cung cấp thông tin cho công dân theo quy định tại Điều 9 của Luật TCTT.

Tính đến hết ngày 19/7/2021, 41,6% trong số 315 cơ quan nhà nước mà Nhóm nghiên cứu gửi yêu cầu cung cấp thông tin đã phản hồi. Trong đó, 27,9% cơ quan cung cấp thông tin, 5,7% cơ quan từ chối cung cấp thông tin, 7,9%

cơ quan có đại diện gọi tới thành viên Nhóm nghiên cứu hỏi thêm thông tin và hứa sẽ cung cấp nhưng đã không cung cấp cho đến ngày Nhóm nghiên cứu tổng hợp báo cáo, 58,4% cơ quan không phản hồi. Bảng 3 trình bày tỷ lệ cơ quan nhà nước phản hồi yêu cầu cung cấp thông tin do các thành viên Nhóm nghiên cứu thực hiện ở lần đánh giá thứ ba (2021) so với lần đánh giá thứ hai (2020). Theo đó, tỷ lệ các cơ quan nhà nước cung cấp thông tin và có phản hồi ở lần đánh giá thứ ba cao hơn ở lần đánh giá thứ hai.

¹⁵ Xem <http://vanban.chinhphu.vn/portal/page/portal/chinhphu/hethongvanban> truy cập 15:28 ngày 20/9/2021

¹⁶ Xem <http://vpcp.chinhphu.vn/documents/z6.vgp> truy cập 15:35 ngày 20/9/2021

Bảng 3: Tỷ lệ cơ quan nhà nước phản hồi yêu cầu cung cấp thông tin

TT	Cơ quan nhà nước	Cung cấp		Từ chối cung cấp		Không phản hồi		Khác ¹⁷	
		Đánh giá lần 2 (2020)	Đánh giá lần 3 (2021)	Đánh giá lần 2 (2020)	Đánh giá lần 3 (2021)	Đánh giá lần 2 (2020)	Đánh giá lần 3 (2021)	Đánh giá lần 2 (2020)	Đánh giá lần 3 (2021)
1	Cơ quan cấp TW	7,4%	22,2%	7,4%	14,8%	51,9%	44,4%	33,3%	18,5%
2	UBND cấp tỉnh thuộc 63 tỉnh, thành phố	23,8%	36,5%	1,6%	6,3%	70,8%	52,4%	3,8%	4,8%
3	Sở Tư pháp 63 tỉnh, thành phố	19%	44,4%	4,8%	4,8	60,3%	38%	15,9%	12,7%
4	Sở LĐ-TB-XH thuộc 63 tỉnh, thành phố	Không đánh giá	15,9%	Không đánh giá	4,8%	Không đánh giá	69,8%	Không đánh giá	9,5%
5	Các (108) cơ quan nhà nước thuộc 8 tỉnh, thành phố	10%	21,2%	5%	4%	75%	71,7%	6%	3%

iii. Xây dựng báo cáo triển khai thực thi Luật Tiếp cận thông tin

Những tài liệu mà Nhóm nghiên cứu tìm kiếm được thông qua công cụ Google Search cho thấy, trong khoảng cuối Quý II và Quý 3 năm 2020 và quý III năm 2021, nhiều cơ quan nhà nước cấp TW, cấp tỉnh và cấp huyện đã xây dựng báo cáo tình hình thực thi Luật TCTT của cơ quan mình theo yêu cầu thể hiện trong các công văn do Bộ Tư pháp ban hành. Các báo cáo này đã đề cập đến việc thực hiện một số trong 9 nội dung công việc mà mỗi cơ quan cần làm theo yêu cầu của Luật TCTT. Trong số đó, những nội dung được đề cập nhiều gồm

xây dựng quy chế nội bộ và phân công đầu mối cung cấp thông tin; xây dựng chuyên mục TCTT và lập danh mục thông tin công khai; thực hiện công khai thông tin bằng các hình thức khác nhau và cung cấp thông tin theo yêu cầu của công dân; phát huy vai trò của công nghệ thông tin trong sắp xếp, lưu trữ và cung cấp thông tin; phổ biến, giáo dục Luật TCTT cho đội ngũ công chức, viên chức và nhân dân; và tình hình khiếu nại, tố cáo liên quan đến thực hiện quyền TCTT. Đặc biệt, một tài liệu mà Nhóm nghiên cứu tiếp nhận thể hiện việc thực hiện nghiêm túc quy định tại Điều 13 Khoản 2 Luật TCTT về việc định kỳ hằng năm, HĐND xem xét báo cáo của UBND cùng cấp về tình

¹⁷ Đại diện một số cơ quan gọi điện hoặc gửi thư điện tử hỏi người yêu cầu về mục đích sử dụng thông tin hay yêu cầu cung cấp công văn, ảnh chụp căn cước/chứng minh thư nhân dân, hướng dẫn gửi yêu cầu cung cấp thông tin tới cơ quan khác hoặc khẳng định sẽ trình lãnh đạo về yêu cầu cung cấp thông tin nhưng chưa cung cấp cho đến ngày Nhóm nghiên cứu tổng hợp báo cáo

hình thực hiện quyền TCTT của công dân trên địa bàn. Đó là báo cáo của UBND huyện Mai Sơn trình HĐND huyện cho kỳ họp vào cuối năm 2020¹⁸.

2.4 Một số tồn tại trong thực thi Luật TCTT

Bên cạnh những nỗ lực và một số kết quả đạt được nêu trên, Nhóm nghiên cứu nhận thấy vẫn còn một số tồn tại cần khắc phục trong thời gian tới để Luật TCTT được thực thi có hiệu quả hơn. Cụ thể:

i. Nhiều cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội và người chưa hiểu hết những quy định của Luật TCTT

Tương tự như kết quả đánh giá lần thứ nhất và lần thứ hai, hầu hết những lãnh đạo, công chức cấp huyện, xã và người dân mà Nhóm nghiên cứu có cơ hội được trao đổi trực tiếp ở đánh giá lần thứ ba cũng chưa nắm rõ tinh thần của Luật TCTT. Khi được hỏi về tình hình công khai thông tin và cung cấp thông tin theo yêu cầu, đa phần các lãnh đạo và chuyên viên này đều viện dẫn việc thực hiện các VBQPPL khác như Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật; Luật Tiếp công dân; Luật Báo chí, Luật Khiếu nại, Luật Tố cáo, quy chế người phát ngôn và việc biên tập nhiều tin tức đăng tải trên cổng thông tin điện tử, trang thông tin điện tử hay phổ biến cho người dân. Trao đổi với người dân xã Xuân Trạch (huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình) cũng cho thấy, người dân còn thụ động trong tìm kiếm thông tin và e ngại yêu cầu cơ quan nhà nước cung cấp thông tin. Trong khi đó, người dân vẫn muốn biết nhiều thông tin liên quan đến quy hoạch sử dụng đất, chế độ chính sách đối với các hộ gia đình nghèo, thị trường xuất

khẩu lao động, thẻ bảo hiểm y tế nhưng chưa biết tìm kiếm qua kênh nào.

Đọc và phân tích các báo cáo về tình hình triển khai thi hành Luật TCTT do Văn phòng UBND tỉnh Quảng Ngãi chuẩn bị trong năm 2020¹⁹ và 2021²⁰ cho thấy còn sự nhầm lẫn giữa công chức phụ trách công tác lưu trữ và đầu mối cung cấp thông tin. Một nhầm lẫn nữa thường gặp đó là nhầm lẫn giữa quy chế công khai thông tin và cung cấp thông theo yêu cầu với quy chế tiếp nhận, xử lý, phát hành văn bản và công tác văn thư và quy chế bảo vệ bí mật nhà nước. Tương tự, báo cáo của UBND huyện Lộc Hà (tỉnh Hà Tĩnh) cũng cho thấy cơ quan này chưa hiểu đầy đủ về việc phân công người làm đầu mối cung cấp thông tin thuộc Văn phòng HĐND và UBND huyện hay nguyên tắc cung cấp thông tin đầy đủ, chính xác và kịp thời. Theo đó, cơ quan này cho rằng cán bộ được giao làm đầu mối cung cấp thông theo yêu cầu với quy chế tiếp nhận, xử lý, phát hành văn bản và công tác văn thư và quy chế bảo vệ bí mật nhà nước. Tương tự, báo cáo của UBND huyện Lộc Hà (tỉnh Hà Tĩnh)²¹ cũng cho thấy cơ quan này chưa hiểu đầy đủ về việc phân công người làm đầu mối cung cấp thông tin thuộc Văn phòng HĐND và UBND huyện hay nguyên tắc cung cấp thông tin đầy đủ, chính xác và kịp thời. Theo đó, cơ quan này cho rằng cán bộ được giao làm đầu mối cung cấp thông tin thuộc về các phòng, ban hay việc cung cấp thông tin theo yêu cầu chủ yếu được thực hiện tại trụ sở của cơ quan nhà nước bằng hình thức hỏi đáp.

Một trong những nguyên nhân dẫn đến hiện tượng này là do việc thay đổi và/hoặc luân chuyển các lãnh đạo và chuyên viên có liên quan sau Đại hội Đảng các cấp nhiệm kỳ 2020-2015 và bầu cử đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2021 - 2026. Trong khi đó, kết quả đánh giá lần thứ hai cho thấy, Luật TCTT và Nghị định

¹⁸ Báo cáo số 1608/BC-UBND ngày 25/11/2020 của UBND huyện Mai Sơn gửi tới Kỳ họp thứ 13-HĐND huyện Khoá XX

¹⁹ Báo cáo số 1090/BC-VP ngày 4/9/2020 của Văn phòng UBND tỉnh Quảng Ngãi báo cáo tình hình triển khai thi hành Luật TCTT

²⁰ Báo cáo số 1106/BC-VP ngày 27/7/2021 của Văn phòng UBND tỉnh Quảng Ngãi báo cáo tình hình 03 năm triển khai thi hành Luật TCTT

²¹ Báo cáo số 2705/BC-UBND ngày 24/8/2020 của UBND huyện Can Lộc báo cáo tình hình triển khai thi hành Luật TCTT

13/2018/NĐ-CP chủ yếu được các cơ quan nhà nước và tổ chức chính trị - xã hội tập trung giáo dục và phổ biến vào nửa cuối năm 2016 và năm 2017.

ii. Các cơ quan dân cử và các tổ chức chính trị - xã hội chưa đưa nội dung giám sát việc thực thi Luật TCTT vào kế hoạch giám sát năm 2021

Tương tự như đánh giá lần thứ hai, kết quả trao đổi với đại diện các tổ chức chính trị - xã hội và phân tích nghị quyết về chương trình giám sát năm 2021 của các cơ quan dân cử trên địa bàn tám tỉnh/thành phố được thực hiện đánh giá lần thứ hai và lần thứ ba cho thấy, các cơ quan này chưa đưa nội dung giám sát việc thực thi Luật TCTT vào kế hoạch giám sát năm 2021.

Nghiên cứu Nghị quyết số 105/2020/QH14²² cho thấy việc thực thi Luật TCTT hay bảo đảm quyền tiếp cận thông tin của công dân chưa được thể hiện trong Chương trình giám sát năm 2021 của Quốc hội. Trong khi đó, đến ngày 1/7/2021 là tròn 3 năm Luật TCTT có hiệu lực thực thi và theo quy định thì Chính phủ sẽ có báo cáo 03 năm việc thực thi Luật này. Tương tự, Nhóm nghiên cứu nhận thấy, nội dung giám sát thực thi quyền tiếp cận thông tin của công dân và/hoặc Luật TCTT cũng chưa được đưa vào các nghị quyết giám sát năm 2021 của HĐND thuộc 8 tỉnh, thành phố

Trao đổi giữa Nhóm nghiên cứu với đại diện Mặt trận Tổ quốc Việt Nam (MTTQVN), Hội Liên hiệp phụ nữ (LHPN) Việt Nam và Đoàn Thanh niên của các huyện và xã thuộc tỉnh Quảng Bình trong chuyến nghiên cứu thực địa cũng cho thấy các tổ chức này không đưa việc giám sát thực thi Luật TCTT vào kế hoạch và nội dung giám sát năm 2021 của tổ chức mình. Thậm chí, một đại diện MTTQVN huyện khẳng định chưa biết sự tồn tại của Luật TCTT.

iii. Nhiều cơ quan nhà nước chưa thực hiện đầy đủ các yêu cầu của Luật TCTT

Theo những báo cáo thực hiện quyền TCTT và Luật TCTT mà Nhóm nghiên cứu tiếp cận được và kết quả tìm kiếm trên cổng/trang thông tin điện tử của 324 cơ quan nhà nước trong khuôn khổ khảo sát cho thấy, số lượng các cơ quan nước xây dựng và công khai quy chế nội bộ cung cấp thông tin cho công dân, phân công đầu mối cung cấp thông tin, thiết lập chuyên mục TCTT và danh mục thông tin phải công khai cũng như cung cấp thông tin theo yêu cầu của các thành viên Nhóm nghiên cứu tăng lên so với đánh giá lần thứ hai. Tuy nhiên, đối chiếu giữa nội dung báo cáo và kết quả khảo sát hệ thống trang/cổng thông tin điện tử của các cơ quan này, Nhóm nghiên cứu nhận thấy vẫn còn khoảng cách cần các bên nỗ lực nhiều hơn để Luật TCTT phát huy hiệu quả.

Đọc và phân tích Báo cáo tình hình triển khai thực thi Luật TCTT của một số cơ quan nhà nước, Nhóm nghiên cứu nhận thấy nhiều cơ quan nhà nước đã phân công đầu mối hay ban hành quy chế cung cấp thông tin nhưng chưa công khai trên cổng/trang thông tin điện tử của cơ quan mình. Hay kết quả rà soát các cổng, trang thông tin điện tử của 324 cơ quan nhà nước cho thấy, một tỷ lệ lớn các cơ quan nhà nước vẫn chưa thực hiện (tốt) những nội dung công việc mà cơ quan mình cần làm theo yêu cầu của Luật TCTT. Cụ thể, Nhóm nghiên cứu chưa tìm thấy đầu mối cung cấp thông tin và chuyên mục TCTT của 82,4% cơ quan, chưa tìm thấy quy chế cung cấp thông tin của 83,6% cơ quan và chưa tìm thấy danh mục thông tin phải công khai của 91,3% cơ quan. Nhóm nghiên cứu cũng chưa tìm thấy danh mục thông tin cung cấp có điều kiện trên cổng/trang thông tin điện tử của bất kỳ cơ quan nhà nước nào trong số 324 cơ quan được khảo sát. Trong số ít những cơ quan nhà nước đã thiết lập chuyên mục TCTT và danh mục thông tin

²² Nghị quyết số 105/2020/QH14 ngày 9/6/2020 của Quốc hội Khoá XIV về Chương trình giám sát của Quốc hội năm 2021

phải công khai, chỉ một số rất ít chuyên mục hay danh mục được thiết lập đúng với yêu cầu của Luật TCTT như chuyên mục của Bộ Tư pháp, UBND tỉnh Bến Tre và UBND xã Xuân Trạch (huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình) và/hoặc thực hiện công khai thông tin một cách cập nhật như UBND tỉnh Bắc Ninh. Hầu hết chuyên mục TCTT và danh mục thông tin của các cơ quan nhà nước còn lại đều chưa đúng với quy định tại các điều 17, 19 và 34 Luật TCTT và Điều 6 Nghị định 13/2018/NĐ-CP.

Bên cạnh đó, 58,4% cơ quan nhà nước chưa phản hồi yêu cầu cung cấp thông tin của Nhóm nghiên cứu. Trong số 7,9% số cơ quan nhà nước có cử đại diện gọi điện hoặc gửi thư điện tử tới các thành viên Nhóm nghiên cứu để tìm hiểu thêm nhưng không cung cấp thông tin cho thấy, một tỷ lệ lớn trong số này chưa nắm được quyền yêu cầu cung cấp thông tin của người dân và trách nhiệm, quy trình cung cấp của các cơ quan nhà nước được quy định tại Luật TCTT hoặc chưa nắm được cơ quan mình đã phân công đầu mối cung cấp thông tin.

03

KHUYẾN NGHỊ

3.1 Tới Chính phủ

- Chỉ đạo bổ sung việc cung cấp thông tin theo yêu cầu của công dân vào bộ các thủ tục hành chính mà Chính phủ đang nỗ lực thúc đẩy để các cơ quan nhà nước 4 cấp thực hiện;
- Hướng dẫn Văn phòng Chính phủ, các bộ và cơ quan ngang bộ, UBND các địa phương đưa Luật TCTT vào diện ưu tiên để Hội đồng Phối hợp giáo dục, phổ biến pháp luật các cấp dành nguồn lực triển khai Luật này. Trong đó,

tập trung tập huấn 9 nội dung công việc mỗi cơ quan nhà nước cần làm được quy định trong Luật TCTT và Nghị định 13/2018/NĐ-CP cho các đầu mối cung cấp thông tin để bảo đảm các cơ quan nhà nước thực hiện sớm nhất việc công khai thông tin và cung cấp thông tin khi người dân yêu cầu.

3.2 Tới Bộ Tư pháp

- Tổ chức họp/hội thảo có sự tham gia của đại diện các cơ quan chức năng để thảo luận, quán triệt việc phân công và công khai đầu mối cung cấp thông tin, xây dựng và công khai quy chế cung cấp thông tin, thiết lập chuyên mục TCTT và danh mục thông tin phải công khai, thông tin cung cấp có điều kiện;
- Phối hợp cùng UBND và Sở Tư pháp tỉnh Bắc Ninh hoàn thiện quy chế nội bộ cung cấp thông tin, thiết lập chuyên mục TCTT và danh mục thông tin phải công khai, danh mục thông tin cung cấp có điều kiện theo đúng yêu cầu của Luật TCTT và Nghị định 13/2018/NĐ-CP như là mô hình tốt để nhân rộng.

3.3 Tới UBND các tỉnh/thành phố

- Thành lập Tổ công tác do Sở Tư pháp làm thường trực với các thành viên là các chủ thể có trách nhiệm cung cấp thông tin trên địa bàn để kịp thời thảo luận, hướng dẫn, tháo gỡ hoặc đề xuất chủ trương về những vấn đề liên quan đến thực thi Luật TCTT;
- Tiếp tục chỉ đạo, đôn đốc các chủ thể có trách nhiệm cung cấp thông tin khẩn trương:
 - Xây dựng, ban hành và công khai quy chế cung cấp thông tin nội bộ; danh mục các tài liệu bắt buộc phải công khai, danh mục thông tin cung cấp có điều kiện; thiết lập mục, trang cung cấp thông tin trên cổng/trang thông tin điện tử của cơ quan mình;
 - Phân công người làm đầu mối cung cấp

thông tin và bộ phận làm đầu mối cung cấp thông tin; công khai các thông tin của đơn vị/cán bộ đầu mối trên cổng/trang thông tin điện tử của cơ quan mình;

- Tăng cường giúp đỡ, phổ biến Luật TCTT tới cán bộ, công chức, viên chức

3.4 Tới Quốc hội và HĐND các cấp

• Tổ chức giám sát việc bảo đảm quyền TCTT của công dân theo quy định tại Điều 13 Luật TCTT trong năm 2021 - 2022 và yêu cầu Chính phủ, UBND các cấp đưa nội dung liên quan đến tình hình bảo đảm thực thi quyền TCTT của công dân vào báo cáo phát triển kinh tế - xã hội hàng năm trình Quốc hội và HĐND xem xét;

• Phân bổ kinh phí để UBND và sở/phòng/công chức tư pháp tổ chức phổ biến 9 nội dung công việc mà các cơ quan nhà nước trên địa bàn cần làm theo quy định của Luật TCTT và nâng cấp cơ sở hạ tầng công khai, cung cấp thông tin cho công dân.

3.5 Tới các tổ chức chính trị - xã hội

• Bổ sung nội dung giám sát việc thực hiện Luật TCTT, đặc biệt giám sát việc thực hiện 9 nội dung mỗi cơ quan nhà nước cần làm vào kế hoạch giám sát năm 2021 và đưa nội dung này vào kế hoạch giám sát năm 2022 nhằm thúc đẩy việc thực hiện Luật TCTT của cơ quan nhà nước các cấp;

• Tổ chức phổ biến Luật TCTT cho hội viên và người dân trong đó nhấn mạnh những nội dung về quyền tiếp cận thông tin do cơ quan nhà nước tạo ra một cách kịp thời, đầy đủ và chính xác và cách thức thực hiện yêu cầu thông tin, bao gồm quyền khiếu nại, khởi kiện, tố cáo và những nội dung công việc các cơ quan nhà nước cần làm để bảo đảm công khai

thông tin và cung cấp thông tin khi người dân yêu cầu; Phổ biến các thực hành tốt trong cung cấp thông tin để khuyến khích tính minh bạch, công khai và giải trình của các cơ quan nhà nước. Phổ biến các trường hợp yêu cầu thông tin thành công để tăng sự tin cậy của người dân vào cơ quan nhà nước và khuyến khích người dân thực hành quyền tiếp cận thông tin;

• Hướng dẫn hội viên và người dân sử dụng điện thoại thông minh để tìm kiếm thông tin;

• Khuyến khích hội viên, đoàn viên thực hiện yêu cầu cung cấp thông tin để góp phần thúc đẩy các cơ quan nhà nước thực hiện công khai thông tin và phản hồi yêu cầu cung cấp thông tin cho công dân một cách kịp thời.

3.6 Tới các tổ chức phi chính phủ, các viện nghiên cứu và các trường đại học

• Thực hành yêu cầu cung cấp thông tin theo đúng quy định của Luật TCTT để từ đó thúc đẩy các cơ quan nhà nước thực hiện trách nhiệm của mình như Luật đã quy định, đặc biệt thúc đẩy cơ quan nhà nước cập nhật thông tin trên danh mục những thông tin phải công khai;

• Phổ biến các thực hành tốt trong thực thi Luật TCTT, bao gồm các thực hành tốt của các cơ quan nhà nước và các ví dụ về người dân yêu cầu cung cấp thông tin thành công để khuyến khích người dân thực hành quyền này, đặc biệt ở các lĩnh vực có nhu cầu rõ rệt như nghiên cứu, báo chí, và hỗ trợ pháp lý;

• Thúc đẩy người dân TCTT thông qua các hoạt động hỗ trợ cộng đồng, từ đó thúc đẩy sự tham gia của người dân;

• Tiếp tục tổ chức các hoạt động chia sẻ kinh nghiệm và kết quả đánh giá việc thực thi Luật TCTT hàng năm.



NỘI DUNG CÔNG VIỆC MỖI CƠ QUAN NHÀ NƯỚC CẦN LÀM ĐỂ THỰC HIỆN CÔNG KHAI VÀ CUNG CẤP THÔNG TIN THEO YÊU CẦU

Tài liệu này được biên soạn dành cho các cơ quan nhà nước có trách nhiệm, nghĩa vụ công khai và cung cấp thông tin²³ dựa trên quy định của Luật TCTT 2016, Nghị định 13/2018/NĐ-CP và Thông tư 46/2018/TT-BTC. Dưới đây là 09 nội dung công việc mỗi cơ quan nhà nước cần làm để thực hiện công khai và cung cấp thông tin theo yêu cầu của công dân:

- 1) Ban hành và công bố công khai quy chế nội bộ về tổ chức cung cấp thông tin thuộc phạm vi trách nhiệm của mình²⁴, gồm các nội dung chính sau đây:
 - Xác định đầu mối cung cấp thông tin
 - Xác định quy trình chuyển giao thông tin của đơn vị tạo ra cho đơn vị đầu mối cung cấp thông tin; việc phân loại thông tin được cung cấp, cung cấp có điều kiện và không được cung cấp
 - Cập nhật thông tin được công khai, thông tin được cung cấp theo yêu cầu
 - Xác định trình tự, thủ tục xử lý yêu cầu cung cấp thông tin giữa đơn vị đầu mối với đơn vị phụ trách cơ sở dữ liệu thông tin và các đơn vị có liên quan
- 2) Phân công và công khai đầu mối cung cấp thông tin gồm tên, địa chỉ, số điện thoại, số fax, địa chỉ thư điện tử của cơ quan nhà nước hoặc người làm đầu mối tiếp nhận yêu cầu cung cấp thông tin²⁵
- 3) Bố trí cán bộ, công chức hướng dẫn, giải thích và giúp đỡ người không biết chữ, người khuyết tật, người gặp khó khăn khác trong việc điền phiếu, ký phiếu yêu cầu cung cấp thông tin; giúp điền phiếu yêu cầu cung cấp thông tin trường hợp người yêu cầu không thể viết phiếu yêu cầu²⁶
- 4) Lập chuyên mục tiếp cận thông tin trên cổng thông tin điện tử, trang thông tin điện tử của cơ quan^{27,28} trong đó, có cung cấp chức năng cơ bản để hỗ trợ người khuyết tật tiếp cận, sử dụng công nghệ thông tin và truyền thông cho việc tiếp cận thông tin đăng tải trên các cổng thông tin điện tử, trang thông tin điện tử trong đó, có cung cấp chức năng cơ bản để hỗ trợ người khuyết tật tiếp cận, sử dụng công nghệ thông tin và truyền thông cho việc tiếp cận thông tin đăng tải trên các cổng thông tin điện tử, trang thông tin điện tử²⁹

²³ Điều 9 Luật TCTT, Khoản 1 Điều 8 Nghị định 13/2018/NĐ-CP, Điều 3 Luật TCTT

²⁴ Điểm h Khoản 1 Điều 34 Luật TCTT và Khoản 1 Điều 12 Nghị định 13/2018/NĐ-CP

²⁵ Khoản 1 Điều 33, Điểm m Khoản 1 Điều 17 Luật TCTT, Khoản 1 Điều 8 và Khoản 1 Điều 12 Nghị định 13/2018/NĐ-CP

²⁶ Khoản 6 Điều 8 Nghị định 13/2018/NĐ-CP

²⁷ Khoản 3 Điều 6 Luật TCTT và Khoản 1 Điều 11 Nghị định 13/2018/NĐ-CP

²⁸ Tham khảo: <http://www.bentre.gov.vn/Pages/Homepage.aspx> hoặc <https://moj.gov.vn/Pages/home.aspx>

²⁹ Khoản 2 Điều 3 Nghị định 13/2018/NĐ-CP

- 5) Lập, duy trì và cập nhật danh mục thông tin phải được công khai và thông tin công dân được tiếp cận có điều kiện^{30, 31, 32}
- 6) Trang bị phương tiện kỹ thuật, cơ sở vật chất cho việc cung cấp thông tin bao gồm bảo đảm quyền tiếp cận thông tin cho người khuyết tật^{33, 34, 35, 36, 37}
- 7) Thực hiện công khai thông tin³⁸ và cung cấp thông tin theo yêu cầu³⁹
- 8) Giải quyết khiếu nại, khởi kiện, tố cáo trong việc tiếp cận thông tin⁴⁰
- 9) Mở sổ theo dõi và xây dựng báo cáo tình hình thực hiện quyền tiếp cận thông tin⁴¹



³⁰ Điểm b Khoản 1 Điều 34, Khoản 3 Điều 19 Luật TCTT và Điều 6 Nghị định 13/2018/NĐ-CP

³¹ Tham khảo: <http://www.bentre.gov.vn/Pages/CanBiet.aspx?ID=2682> và <https://moj.gov.vn/tcct/Pages/Index.aspx>

³² Tham khảo: <http://vpcp.chinhphu.vn/documents/z6.vgp>

³³ Điều 9 Nghị định 13/2018/NĐ-CP

³⁴ Khoản 6 Điều 8 và Khoản 4 Điều 3 Nghị định 13/2018/NĐ-CP

³⁵ Điều 40 Luật Người khuyết tật

³⁶ Bộ tiêu chuẩn QCVN10:2014/BXD về Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về xây dựng công trình đảm bảo người khuyết tật tiếp cận sử dụng

³⁷ Khoản 6 Điều 33 Luật TCTT

³⁸ Chương II Luật TCTT

³⁹ Chương III Luật TCTT

⁴⁰ Điều 14, Điều 15, Điểm k Khoản 1 Điều 34 Luật TCTT và Khoản 4 Điều 8 Nghị định 13/2018/NĐ-CP

⁴¹ Khoản 2 Điều 13 và Điểm l Khoản 1 Điều 34 Luật TCTT, Khoản 5 Điều 8 và Điều 12 Nghị định 13/2018/NĐ-CP

Tài liệu này được biên soạn với sự hỗ trợ tài chính của Liên minh Châu Âu.
Các nội dung trong tài liệu này thuộc trách nhiệm của Nhóm nghiên cứu, và
không nhất thiết phản ánh quan điểm của Liên minh Châu Âu.